

MỘT VÀI ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ CỦA TIẾNG ANH - MỸ QUA CÁC VĂN BẢN CỦA TỔNG THỐNG MỸ

(Từ góc nhìn của Ngữ pháp văn bản)

TS. Nguyễn Văn Chiến
Đại học Dân lập Thăng Long
Th.S. Nguyễn Thị Thu Hương

1. Khái niệm và giới hạn vấn đề

1.1. "*Các văn bản của Tổng thống Mỹ*" (The texts by the Presidents of the United States) là tất cả những bài nói, bài diễn thuyết của Tổng thống Mỹ (The speeches of the American Presidents) đã được hiện thực hoá dưới dạng các *văn bản viết* (the written texts). Chúng bao gồm: (1) Các "*thông điệp liên bang*" (State of the Union Addresses by the Presidents), và (2) *Các văn bản khác* do Tổng thống Mỹ thực hiện.

1.2. Thuật ngữ "*thông điệp liên bang*" xuất phát từ tiếng Anh-Mỹ "State of the Union Addresses by the Presidents", thực chất là các báo cáo đệ trình Quốc hội Mỹ về nhận định của Tổng thống đối với các vấn đề của nước Mỹ và thế giới có liên quan đến quyền lợi của nước Mỹ trong nhiệm kỳ Tổng thống.

Hiến pháp Hoa Kỳ, từ khi thành lập Hợp chúng quốc - qua 43 đời Tổng thống, đã quy định: Mọi Tổng thống Mỹ đều có trách nhiệm soạn thảo các Thông điệp liên bang điều trần trước Quốc hội lưỡng viện. Có hai dạng thông điệp và ba thời điểm dành cho sự ra đời các thông điệp này:

Dạng 1: Diễn văn nhậm chức Tổng thống (Inaugural Address by the President)

Dạng 2: Thông điệp liên bang (State of the Union Addresses by the Presidents)

Diễn văn nhậm chức Tổng thống được đọc ở lễ nhậm chức Tổng thống Mỹ, do chính Tổng thống Mỹ trình bày. Từ lâu, trong đời sống chính trị và xã hội của nước Mỹ, lễ nhậm chức Tổng thống đã trở thành một hoạt động có tính lễ nghi, vui vẻ và mang đậm dấu ấn truyền thống văn hoá Mỹ. Do vậy, loại hình diễn văn này gần như bắt buộc: nó xuất hiện thường sau khi một Tổng thống chính thức nhậm chức một tháng đến ba tháng.

Các thông điệp liên bang được phát đi chỉ ở hai thời điểm. *Thứ nhất*: khi có những biến cố chính trị lớn xảy ra ở trong và ngoài nước Mỹ; *Thứ hai*: vào dịp chuẩn bị có các cuộc vận động tranh cử Tổng thống.

Chính vì các vấn đề hết sức quan trọng của nước Mỹ và trên thế giới được trình bày trong các thông điệp liên bang; và qua đó các Tổng thống Mỹ muốn tranh thủ sự ủng hộ của Quốc hội lưỡng viện Mỹ về các chính sách đối nội, đối ngoại của Chính phủ đương nhiệm nên thông điệp liên bang có sức thu hút lớn đối với nhân dân Mỹ và mọi người dân trên thế giới.

1.3. Ở góc nhìn của *ngôn ngữ học/ngữ pháp văn bản*, các bài nói, bài diễn thuyết của Tổng thống Mỹ như trên được xem như là một *loại hình văn bản đặc biệt và đặc thù*.

Trước hết, các bài diễn thuyết đang được đề cập tới là hiện tượng *ngôn bản* (linguistic text) được hiện thực hoá dưới *dạng viết* (written text). Với tư cách là một *văn bản* (a text) - *văn bản viết*, thì những bài diễn thuyết này là đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp văn bản (xem 4;148-159).

Thứ hai, các văn bản Tổng thống Mỹ là một loại hình văn bản đặc biệt vì chúng được viết ra để Tổng thống trình bày dưới *dạng đọc* hay nói trước công chúng Mỹ và Quốc hội Mỹ, hay trước mọi người dân trên thế giới. Độ dài văn bản bị khống chế bởi thời lượng trình bày và đối tượng tiếp nhận dưới các hình thức nghe trực tiếp và đọc lại.

Thứ ba, do hai đặc điểm trên, các văn bản thuộc loại hình này có tính đặc thù cao: sự pha trộn giữa các đặc trưng cả của *ngôn ngữ nói* (spoken language) và của *ngôn ngữ viết* (written language) rất rõ trong từng văn bản. Tỷ lệ của sự pha trộn có thể xác lập được cùng với những đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá của tiếng Anh-Mỹ bộc lộ theo những quy luật tính nhất định.

1.4. Do những điều nói trên, chúng tôi đặt vấn đề xem xét các văn bản Tổng thống Mỹ như đối tượng phân tích trực tiếp của ngữ pháp văn bản; góp phần trình bày các đặc trưng ngôn ngữ và văn hoá điển hình của tiếng Anh-Mỹ trong tinh thần một thử nghiệm đầu tiên.

2. Ngữ liệu và phân loại các văn bản Tổng thống Mỹ

2.1. Ngữ liệu

- Tất cả các văn bản Tổng thống thuộc hai kiểu đã nói, đều là ngữ liệu

phân tích; tuy nhiên, để tập trung, chúng tôi chọn các văn bản của những Tổng thống Mỹ gần đây nhất: (a) Diễn văn nhậm chức Tổng thống lần thứ nhất của Tổng thống Mỹ Bill Clinton (First Inaugural Address), ngày thứ Tư, 21 tháng 1 năm 1993; (b) Diễn văn nhậm chức Tổng thống lần thứ hai của Tổng thống Mỹ Bill Clinton (Second Inaugural Address), ngày 20 tháng 1 năm 1997; (c) Tuyên bố về bình thường hoá quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam (Remarks in Announcement on Normalization of Diplomatic Relations with Vietnam) của Tổng thống Mỹ Bill Clinton phát đi vào ngày 11 tháng 7 năm 1995 tại phòng Phương Đông, Nhà Trắng, hồi 2h03 chiều.

Ba bài phát biểu trên (a, b, c) đều của Tổng thống Bill Clinton - vị Tổng thống Mỹ đầu tiên mở đường khai thông quan hệ ngoại giao giữa Hợp chúng quốc Hoa kỳ và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; và cũng là một trong số những Tổng thống Mỹ thực thi hai nhiệm kỳ liên tiếp. Mặt khác, về nội dung, các bài phát biểu được lựa chọn đều thuộc kiểu văn bản thứ nhất - thông điệp liên bang với hai dạng như đã nói.

- Văn bản thứ tư (d): Bài nói chuyện/phát biểu của Tổng thống Mỹ Bill Clinton tại Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 17/11/2000 nhân chuyến đi thăm Việt Nam của Tổng thống cùng phu nhân và con gái, thuộc kiểu văn bản thứ hai (Bill Clinton's speech on his visit to Vietnam at Hanoi National University).

2.2. Phân loại

2.2.1. Trên phương diện *nội dung*, có thể chia các văn bản Tổng thống Mỹ thành ba loại:

- *Diễn văn nhậm chức*: Nội dung của những văn bản loại này thường là

việc bày tỏ tình cảm của Tổng thống đối với việc nhậm chức; trong đó và nhân dịp đó, Tổng thống nhận định về một vấn đề nào đó của nước Mỹ và tình hình thế giới; động viên, thúc giục nhân dân Mỹ, Quốc hội Mỹ... giúp đỡ Tổng thống, cùng nhau thực hiện các mục tiêu và cam kết trong tương lai;

- *Các thông điệp liên bang*: Báo cáo trước Quốc hội lưỡng viện những biến cố và các vấn đề xảy ra ở trong nước; cũng như trên thế giới có liên quan đến lợi ích của nước Mỹ; điều trần và đưa ra các giải pháp chính trị đối nội và đối ngoại nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Quốc hội và nhân dân Mỹ (ví dụ như "Tuyên bố về bình thường hoá quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam" của Tổng thống Bill Clinton năm 1995 hay "Thông điệp toàn liên bang về chủ nghĩa khủng bố và chống khủng bố" của Tổng thống Mỹ George W. Bush phát đi tại thủ đô Washington năm 2005).

- *Các bài nói chuyện của Tổng thống* trong các cuộc viếng thăm cụ thể ở một tổ chức, một nước nào đó nhân dịp gì đó; hay các diễn văn đáp từ có tính chất ngoại giao khi sang thăm một quốc gia - nhà nước nào đó. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể, mà nội dung của những văn bản loại này hướng đến những thông tin cụ thể và những tình cảm cụ thể của Tổng thống.

2.2.2. Trên phương diện *chức năng*, đối với việc định vị và phân loại các văn bản Tổng thống Mỹ, ta thấy có một tình hình lý luận và thực tế sau đây:

- Việc xác lập các kiểu văn bản (text types) trở nên rất cần thiết đối với công tác phiên dịch văn bản; trước hết đối với việc xác lập các kiểu phiên dịch (translation types) và sự đánh giá bản dịch (translation assessment). Dựa trên ba chức năng của ngôn ngữ: (1) Chức

năng thông báo (Informative) hay miêu tả (Descriptive); (2) Chức năng biểu đạt tình cảm (Expressive); (3) Chức năng tác nghiệp (Operative) hay mệnh lệnh (Imperative) hoặc xã hội (Social), Reiss K. (1; 105) và nhiều nhà ngôn ngữ học khác đã đi đến phân loại các kiểu văn bản. Chẳng hạn, các văn bản khoa học, sách tham khảo chuyên ngành, các báo cáo khoa học... thuộc kiểu văn bản thực hiện chức năng thông báo, miêu tả; các tác phẩm thơ ca thiên về kiểu văn bản thực hiện chức năng biểu đạt tình cảm con người; các diễn văn tranh cử Tổng thống, các bài thuyết pháp tôn giáo... thiên về kiểu văn bản thực hiện chức năng tác nghiệp. Các văn bản như sách hướng dẫn du lịch, sách hướng dẫn tác nghiệp... thuộc kiểu văn bản trung gian bao gồm việc thực hiện cả ba chức năng; trong khi đó, các bài nói chuyện, phát biểu có tính chất nhà nước, thơ văn trào phúng lại được xếp vào kiểu văn bản thực hiện hai chức năng biểu đạt tình cảm và tác nghiệp...

- Theo chúng tôi, các văn bản Tổng thống Mỹ được xếp vào *kiểu văn bản* đứng giữa, thực hiện cả 3 chức năng ngôn ngữ nói trên - loại văn bản nhà nước (Institutionalized text-types) - thực hiện các chức năng có tính nghi lễ, quy thức trong đời sống thường ngày của xã hội (2; 117).

- Đứng từ góc nhìn của người Việt Nam và xuất phát từ mối quan tâm của người Việt Nam, có thể xem xét các văn bản Tổng thống Mỹ theo ba loại:

Kiểu A: Diễn văn nhậm chức Tổng thống;

Kiểu B: Các văn bản (Các thông điệp liên bang và các văn bản khác) trực tiếp đề cập đến mối quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam, chính sách đối ngoại của Mỹ với Việt Nam ...;

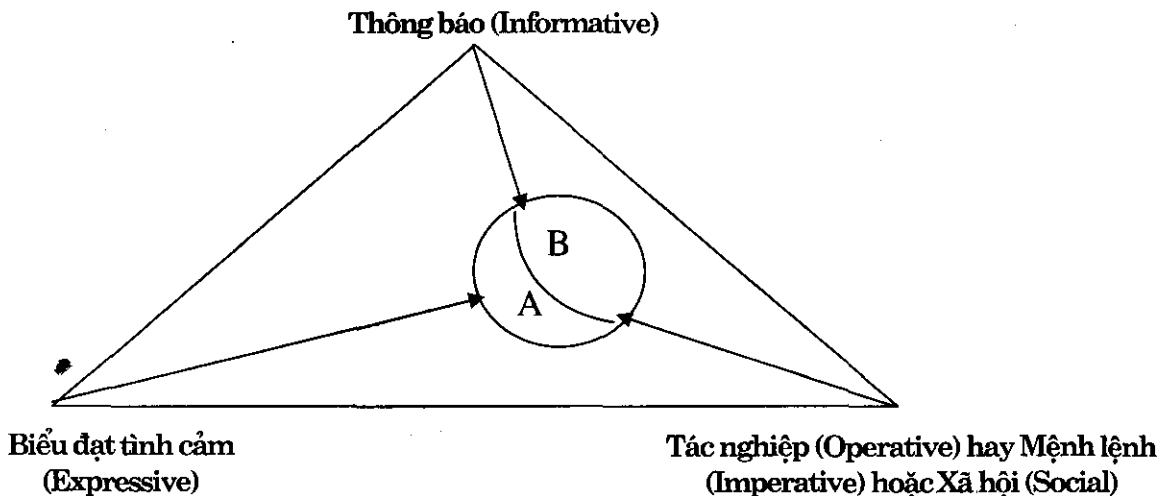
Kiểu C: Các văn bản (Các thông điệp liên bang và các văn bản khác)

đề cập đến chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước khác trên thế giới.

Những nghiên cứu của chúng tôi thiên về hai kiểu đầu: kiểu văn bản A và B.

Nếu dựa trên sự phân loại văn bản theo ba chức năng của ngôn ngữ thì các văn bản kiểu A khác với các văn bản kiểu B ở chỗ: Các văn bản kiểu A

thiên về thực hiện hai chức năng thông báo và biểu đạt tình cảm nhiều hơn bên cạnh chức năng tác nghiệp; còn các văn bản kiểu B thiên về thực hiện hai chức năng thông báo và tác nghiệp nhiều hơn bên cạnh chức năng biểu đạt tình cảm. Có thể hình dung kết quả phân loại trên bằng đồ hình dưới đây:



- Mọi sự phân loại chức năng nói trên chỉ là tương đối, vì:

* Một văn bản cụ thể, trong thực tế hành chức, bao giờ cũng có sự pha trộn ba chức năng theo những tỷ lệ nhất định;

* Trong một kiểu văn bản nhất định, lại có những văn bản thực hiện chức năng của một kiểu văn bản khác rõ rệt hơn.

Do vậy, phân loại các văn bản theo chức năng là sự phân kiểu loại văn bản đối với từng văn bản cụ thể, xác lập các tỷ lệ nhất định đối với các chức năng của văn bản.

2.2.3. Trên phương diện *phong cách học*, các văn bản Tổng thống Mỹ được xếp vào loại phong cách nghị luận chính trị - xã hội với những nét đặc thù riêng.

3. Những đặc trưng ngôn ngữ và văn hoá của tiếng Anh-Mỹ qua các văn bản Tổng thống thuộc kiểu A và B

3.1. Những đặc trưng của ngôn ngữ nói trong các văn bản Tổng thống Mỹ

Một trong ít nhất 7 đặc trưng phân biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (3; 37-41) là việc sử dụng các yếu tố có tính *đóng khối* (aggregatives), các *ngữ cố định* (fixed phrases) bao gồm: các *yếu tố chuyển lượt lời* (gambits), các *thành ngữ* (idioms), *quán ngữ* (routines), các *yếu tố thiết lập và duy trì quan hệ xã hội trong giao tiếp* (phatic communion), trong đó các *dạng thức/hình thái xưng hô* (address forms). Khuôn khổ một bài báo chỉ cho phép chúng tôi tập trung

vào các dạng thức xưng hô trong các văn bản Tổng thống Mỹ.

3.1.1. Các dạng thức xưng hô trong các văn bản Tổng thống Mỹ

3.1.1.1. Trước hết, xưng hô trong tiếng Anh nói chung có xu hướng tập

trung vào ba điểm: (1) Quyền lực; (2) Khoảng cách xã hội giữa những người tham thoại; và (3) Thái độ, tình cảm... của người tham gia giao tiếp; theo đó các hình thái xưng gọi dưới đây được ưa dụng nhất:

- 1. Chỉ gọi riêng tên chức danh (Title alone) (T)
- 2. Gọi chức danh cùng tên họ (Title with last name) (TLN)
- 3. Chỉ gọi riêng tên họ (Last name alone) (LN)
- 4. Tên riêng (First name) (FN)
- 5. Tên đầy đủ (Multiple names) (MN)
- 6. Danh ngữ có từ hạt nhân đơn (Nominal groups of simple headword) (NGOSH)
- 7. Danh ngữ có cấu trúc phức (Nominal groups of more complex structures) (NOGMCS)
- 8. Cặp từ xưng gọi đại từ nhân xưng (The dual of personal pronouns) (DOPP)
- 9. Cặp từ xưng gọi trung tính "I - you" (The dual of neutral) (DON)
- 10. Cặp từ xưng gọi "I - Danh ngữ" (The dual of "I - Nominal groups")
- 11. Các danh từ thân tộc (Kinship terms) (KT_s)
- 12. Tránh sử dụng các hình thái xưng hô (Address forms avoidance) (AFA) } E

Trong đó 5 trường hợp đầu được xếp vào phạm trù A; trường hợp 6, 7 thuộc phạm trù B; các trường hợp 8, 9, và 10 được xếp vào phạm trù C; trường hợp 11 đứng riêng thành một phạm trù D; và trường hợp 12 là phạm trù E.

Hệ thống các hình thái xưng gọi nói trên, nếu xét theo mức độ xưng hô nghi thức (formality) và phi nghi thức (informality) có thể được sắp xếp theo đồ hình trật tự như sau:

Nghi thức/Trang trọng (Formality) ↑

- T (1)
- TLN (2)
- LN (3)
- FN (4)
- MNs (5)
- NGOSH(6) + NGOMCS (7)
- DOPP (8)
- DON (9) + DOI - NG (10)
- KTs (11)
- AFA.s (12)

↓ Phi nghi thức/Thông tục (Informality)

3.1.1.2. Xưng hô trong các văn bản Tổng thống Mỹ có những đặc điểm sau đây:

- Thiên về kiểu xưng hô nghi thức/trang trọng, các phạm trù xưng hô A, B và C được sử dụng nhiều hơn cả, trong khi các phạm trù D và E không bao giờ xuất hiện;

- Trong phạm trù xưng hô A, lớp các hình thái xưng gọi (2) được sử dụng nhiều hơn các lớp khác (1), (3), (4), (5). Đây là các hình thái xưng gọi cho ngôi nhân xưng thứ hai, thường xuất hiện ở phần mở đầu của các bài nói chuyện/ văn bản. Ví dụ:

c/ Có thể chỉ người nghe nói chung gồm toàn thể những người đang tham gia giao tiếp là những công dân Mỹ;

d/ Có thể, thậm chí, là toàn thể nhân dân thế giới.

Ví dụ, trong diễn văn nhậm chức (đọc ngày 20 tháng 1 năm 1961 của Tổng thống J.F. Kennedy, ngữ xưng hô "My fellow citizens" được chính Tổng thống ngụ ý đến hai trường hợp (c) và (d) vừa nói qua lời phát biểu nổi tiếng đi vào lịch sử nước Mỹ:

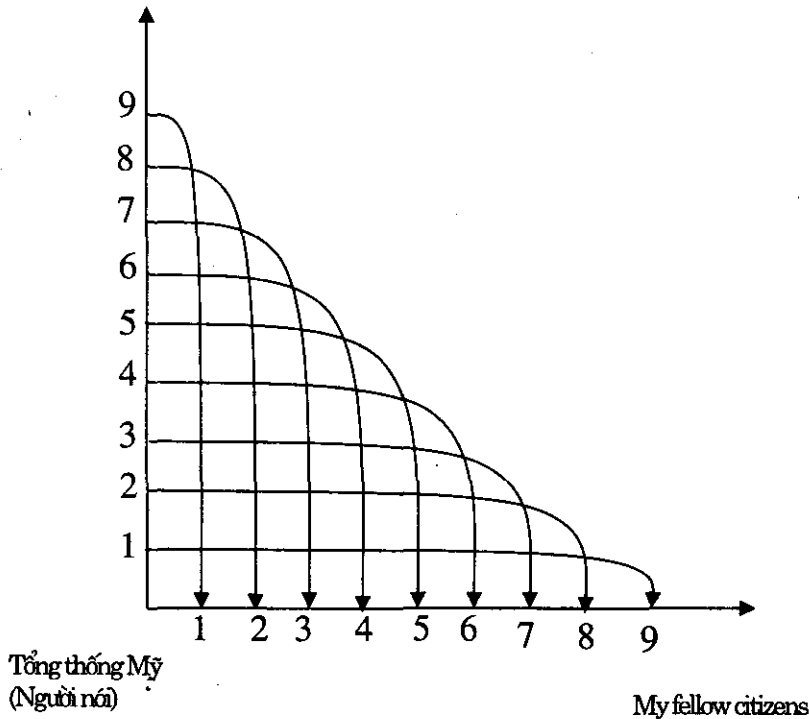
"And so, **my fellow American**: ask not what your country can do for you - ask what you can do for your country" (Đoạn 25) (4).

"**My fellow citizens of the world**: ask not what America will do for you,

but what together we can do for the freedom of man" (Đoạn 26) (5).

- Trật tự xưng hô khi sử dụng các hình thái xưng hô thuộc ngôi nhân xưng thứ hai là rõ ràng và rất quy thúc: Những người tham thoại, người nghe có vị trí xã hội cao bao giờ cũng được gọi đến đầu tiên và ngữ thức xưng hô "My fellow citizens" là hình thái xưng gọi cuối cùng.

Việc lựa chọn các hình thái xưng hô (thuộc hai ngôi nhân xưng) và việc hiện thực hoá chúng ở Tổng thống Mỹ có thể hình dung qua một hệ trục dọc - ngang (trục hệ hình và cú đoạn) dưới đây với ví dụ (1).



• Trục dọc: Trục lựa chọn, biểu thị thang độ quyền lực từ thấp đến cao lấy Tổng thống làm trung tâm xưng gọi.

• Trục ngang: Trục hiện thực hoá tuyến tính khi xưng gọi.

- Hình thái "you" được lựa chọn để chỉ ra người nghe là ngôi nhân xưng thứ hai,

thường chỉ xuất hiện ở phần giữa (phần thân) của bài diễn văn với tư cách một văn bản, hoặc ở phần cuối thông qua một câu chúc (một thành ngữ) có đặc tính văn hoá - tôn giáo. Ví dụ:

"God bless you and God bless America" (6)

hay lời cảm ơn:

"*Thank you very much. I welcome you all here, those of you have been introduced and distinguished members of Congress and military leaders, veterans, others who are in the audience.*" (7)

(*Tuyên bố về bình thường hoá quan hệ với Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton. Ngày 11 tháng 7 năm 1995*)

3.2. Những đặc trưng của ngôn ngữ viết trong các văn bản Tổng thống Mỹ

3.2.1. Ngôn ngữ viết có những đặc trưng khu biệt với ngôn ngữ nói (3; 37-41). Trong các văn bản Tổng thống Mỹ, có hàng loạt những đặc trưng ngôn ngữ bộc lộ rõ loại hình văn bản Tổng thống được thực hiện dưới dạng ngôn ngữ viết (written language); chẳng hạn, việc sử dụng các cấu trúc cú pháp phức chứa đựng hàm lượng thông tin cao, sử dụng các ngữ định danh, các mệnh đề có quan hệ từ wh-, xu hướng tạo nên các câu nói có tính triết lý cao, các biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ. Tuy nhiên, phạm vi một bài báo, chúng tôi không thể trình bày được hết các vấn đề này. Ở đây, chỉ giới thiệu sơ qua một số kết quả nghiên cứu của chúng tôi trong tổ chức cấu trúc văn bản Tổng thống Mỹ thông qua các hiện tượng liên kết văn bản

(text cohesion) và mạch lạc (coherence).

3.2.2 Ở bậc phân tích thứ nhất, một bài diễn văn do Tổng thống Mỹ thực hiện, dưới góc nhìn của phân tích văn bản luôn bao gồm 3 phần: (1) Phần mở đầu (chứa đựng 2 thành phần: a/ Lời chào và lời giới thiệu và b/ Câu đề tài /phát ngôn thể hiện đề tài chính của bài diễn văn); (2) Phần chính (chứa đựng các luận điểm cơ bản của bài diễn văn trong đó các kiểu liên kết và mạch lạc căn bản được thể hiện rõ theo những khuôn mẫu nhất định); và cuối cùng (3) Phần kết (bao gồm 2 thành phần: a/ Kết luận, b/ Lời chào tạm biệt (thông qua các phát ngôn hay các biểu thức ngữ vi "cảm ơn" và "cầu chúc"...)

3.2.2.1. Mối quan hệ giữa phần mở đầu và phần chính của văn bản được thực hiện bằng sự liên kết theo một khuôn mẫu nhất định thông qua câu/phát ngôn (nhiều khi là một đoạn văn) tiền dẫn nhập vào thân bài (pre-developing part sentences/paragraph). Ví dụ, các đoạn văn 2 và 3 chứa đựng các câu tiền dẫn nhập vào thân bài dưới đây:

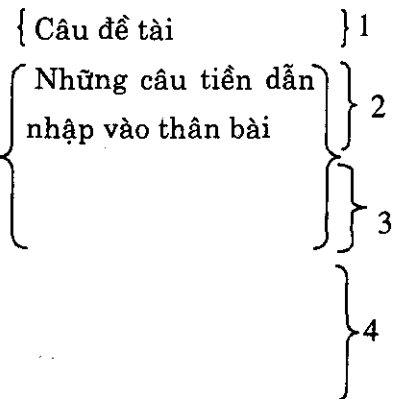
My fellow citizens.

Today we celebrate the mystery of American renewal.

This ceremony is held in the depth of winter. But, by the words we speak and the faces we show the world, we force the spring.

A spring reborn in the world's oldest democracy, that bring forth the vision an courage to reinvent America.

When our founders boldly declared America's independence to the world and our purposes to the Almighty, they knew that America, to endure, would have to change.



(Diễn văn nhậm chức Tổng thống lần thứ nhất của Bill Clinton)

can give Americans the power to make a real difference in their everyday lives, *government* should do more, not less. ⁶ The preeminent mission of our *new government* is to give all Americans an opportunity - not a guarantee, but a real opportunity - to build better lives."

3.2.3.2. *Đoạn văn quy nạp* là đoạn văn ở đó câu chủ đề thường đứng ở cuối. Các câu (hay mệnh đề) minh họa thường đi trước câu chủ đề. Ví dụ, đoạn 12 trong "Diễn văn nhậm chức Tổng thống lần thứ nhất của Tổng thống Bill Clinton":

"^{7a} Communications and commerce are global; ^b investment is mobile; ^c technology is almost magical; and ambition for a better life is now universal, ⁸ *we earn our livelihood in peaceful competition with people all across the earth.*"

3.2.3.3. *Đoạn văn Tổng - phân - hợp* là đoạn văn trong đó, câu chủ đề ở cả đầu và cuối đoạn văn. Câu đầu tiên của đoạn văn là một nhận định khái quát hóa; các câu tiếp theo phát triển ý chính trong câu mở đầu và cuối cùng, tất cả các luận điểm nói ở trên lại được hợp nhất lại trong một diễn đạt có tính khái quát cao hơn ở cuối đoạn văn. Ví dụ như đoạn văn 12 trong "Tuyên bố bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam của Tổng thống Bill Clinton":

"⁹ *I am proud to be joined in this view by distinguished veterans of the Vietnam war.* ¹⁰ *They served their country bravely.* ¹¹ *They are of different parties.* ¹² *A generation ago they had different judgments about the war which divided us so deeply.* ¹³ *But today they are of a single mind.* ¹⁴ *They agree that the time has come for America to move forward on Vietnam.* ¹⁵ *All Americans should be grateful especially that Senators John McCalm, John Kerry, Bob Kerrey, Chuck Bobb and representative Pete Peterson, along with other Vietnam veterans in the Congress, including*

Senator Harkin, Congressman Colby and Congressman Gilloheast, who just left, and others who are out there in the audience have kept up their passionate interest in Vietnam, but were able to move beyond the haunting and painful past toward finding common ground for the future. *Today they and many others veterans support the normalization of relations, giving the opportunity to Vietnam to fully join the community of nations and being true to what they fought for so many years ago.*"

4. Kết luận

Bước đầu tìm hiểu các văn bản của Tổng thống Mỹ từ góc nhìn của ngôn ngữ học văn bản/ngữ pháp văn bản, chúng ta có thể sơ bộ rút ra những nhận định chung nhất sau đây:

1. Các bài nói chuyện, các bài phát biểu, các diễn văn của các Tổng thống Mỹ được coi là một *kiểu loại văn bản* điển hình và hết sức đặc thù, xét về phương diện nội dung, chức năng và phong cách học văn bản.

2. Những đặc trưng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết đều thể hiện rõ ràng trong kiểu loại hình văn bản này; trên đó, đặc trưng của ngôn ngữ viết là nổi bật và nổi trội so với ngôn ngữ nói ở tổ chức cấu trúc văn bản.

3. Chính những đặc trưng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các văn bản Tổng thống Mỹ, một mặt đã phản chiếu các đặc trưng ngôn ngữ và văn hoá của tiếng Anh-Mỹ nói chung, một mặt khác cũng cho thấy tính đặc thù của loại hình văn bản Tổng thống Mỹ từ góc nhìn của phân tích văn bản ■

Tài liệu tham khảo:

1. Chesterman, A. (1989). *Readings in Translation Theory*. "Text types, Translation types and Translation assessment" by Reiss K. Finland by Loimaan Kirjapaino Oy.
2. Jame, C. (1980). *Contrastive Analysis*.
3. Kramsch, C. (2000). *Language and Culture*. Oxford University.
4. Thung - Hoàng Văn; A - Lê; Lạc - Đình Trọng. (1998). *Giáo trình tiếng Việt 3*. Phân Ngữ pháp văn bản. NXBGD. Hà Nội.